



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4 /2021/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 06 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 13/HĐND-TT ngày 31/3/2021 về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 543/TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc Quyết định này không áp dụng đối với lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ (*Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này*).

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này*).

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đúng (đủ) theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích mà bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác. Trường hợp không thể bố trí được, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2021.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm đối với việc đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo diện tích chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- KBNN tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, NCTH, TH2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ
Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ
Ngày ký: 06-04-2021 09:08:17 +07:00

Bùi Văn Quang

PHỤ LỤC SỐ 01: TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Quyết định số 4 /2021/QĐ-UBND ngày 06 /4/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m²)
I	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	
1	Trung tâm hành chính công tỉnh	1500
2	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	200
3	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã	100
II	Diện tích sử dụng để tiếp dân	
1	Cấp tỉnh	
1.1	<i>Ban tiếp công dân của tỉnh</i>	1200
1.2	<i>Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh</i>	50
1.3	<i>Đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành</i>	25
2	Cấp huyện	
2.1	<i>Văn phòng cấp ủy và chính quyền</i>	50
2.2	<i>Cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc huyện</i>	25
3	Cấp xã (Ủy ban nhân dân cấp xã)	25
III	Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin	
1	Cấp tỉnh	
1.1	<i>Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh</i>	40
1.2	<i>Đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành</i>	30
2	Cấp huyện	
2.1	<i>Văn phòng cấp ủy và chính quyền</i>	40
2.2	<i>Cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc cấp huyện</i>	30
3	Cấp xã (Ủy ban nhân dân cấp xã)	30
IV	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên) áp dụng chung cho tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thiết kế theo yêu cầu sử dụng và được phê duyệt trong báo cáo đầu tư, diện tích cụ thể được xác định theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4601:2012	
1	Hội trường từ 100 chỗ ngồi trở lên (không kể sân khấu, phòng chờ diễn), không trang bị bàn viết	0,8 m ² /chỗ ngồi
2	Hội trường từ 100 chỗ ngồi trở lên (không kể sân khấu, phòng chờ diễn), có trang bị bàn viết	1,8 m ² /chỗ ngồi
V	Kho chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	
1	Kho cất giữ vũ khí, công cụ hỗ trợ của Kiểm lâm	
1.1	<i>Văn phòng chi cục</i>	35
1.2	<i>Hạt kiểm lâm</i>	35
1.3	<i>Trạm kiểm lâm</i>	30
2	Chi cục văn thư lưu trữ	

	Kho lưu trữ chuyên dụng	1.875
3	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Sở Khoa học & Công nghệ	
	Kho chuẩn khối lượng M1	30
	Kho chuẩn dung tích + chuẩn taxi	30
	Kho để công tơ	30
	Kho chuẩn điện, áp suất, an toàn điện, chuẩn y tế	30
	Kho vật tư	30
4	Sở Tư pháp	
	Kho tại Phòng công chứng số 1	200
	Kho tại Phòng công chứng số 2	200

PHỤ LỤC SỐ 02: TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 4 /2021/QĐ-UBND ngày 06 /4/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ)

TT	Danh mục	Diện tích tối đa (m²)
I	Sở Khoa học và Công nghệ	
1	<i>Trung tâm ứng dụng và Thông tin KHCN</i>	
	Nhà màng	1000
2	<i>Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng</i>	
	Phòng đo lường thử nghiệm	30
	Phòng thử nghiệm chất lượng	30
	Phòng kiểm định công tơ	30
	Phòng kiểm định đồng hồ nước	30